

Bản án số: 246/2024/KDTM-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Phục
- Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 784/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Trụ sở: H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc P hoặc ông Dương Sâm Sơn H; Cùng địa chỉ: Tầng A số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền số 3407/2024/UQ-PGD ngày 11/4/2024.

Bị đơn: Công ty TNHH G;

Trụ sở: 59 L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L – sinh ngày 02/3/1985; số CMND: 183576904 cấp ngày 20/02/2013 tại C; Thường trú: 12 T, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L – sinh ngày 02/3/1985; số CMND: 183576904 cấp ngày 20/02/2013 tại C; Địa chỉ: A T, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V do Nguyễn Ngọc P đại diện trình bày: Ngân hàng TMCP V - V1 (nguyên đơn) và Công ty TNHH G (bị đơn) có thỏa thuận, ký kết các giao dịch sau:

- Hợp đồng cho vay số: TSN/20398 ngày 08/12/2020 và các khế ước nhận nợ để vay số tiền 3.815.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, tương ứng 60 kỳ (từ ngày 08/12/2020 đến ngày 08/12/2025), mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô theo HĐMB số NCTC- 0000538 ngày 17/11/2020. Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 8,3%/năm, lãi suất cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 12 tháng/01 lần. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng với số tiền gốc 62.600.000 đồng. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo khế ước nhận nợ số TSN/20398-01 ngày 08/12/2020.

- Ngoài ra, nguyên đơn đã cấp cho bị đơn thẻ tín dụng hạn mức 300.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo dành cho KHDN số 352-C-803364 ngày 14/06/2021 (hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng), thời hạn mức tín dụng thẻ 60 tháng, lãi suất trong hạn 30%/năm.

Để bảo đảm cho những khoản vay trên, bị đơn đã thế chấp tài sản sau:

- 01 Xe Ô tô con, nhãn hiệu: MERCEDES - BENZ, số loại: \$450, số khung: RLMUG6GX0LV003248, số máy: 27682431121285, biển số: 51H-695.55 thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của Công ty TNHH G, Giấy đăng ký xe ô tô số: 620963 do Phòng C1 Công an Thành phố H cấp ngày 05/12/2020.

- Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật, theo hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng Thế chấp xe Ô tô số TSN/20399 ngày 08/12/2020 và được chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H ngày 08/12/2020.

Đồng thời, bà Trần Thị L đã ký hợp đồng bảo lãnh số 431/HĐBL ngày 07/6/2021 để bảo lãnh việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn bằng tài sản cá nhân của mình.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, khoản vay chuyển nợ quá hạn ngày 25/02/2022, khoản thẻ tín dụng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 04/04/2022. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và làm việc với bị đơn để yêu cầu trả nợ vay nhưng cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa xem xét và phán quyết buộc bị đơn thanh toán một lần các khoản tạm tính đến hết ngày 24/9/2023 (có bảng tổng hợp dư nợ đính kèm) là 4.930.242.229 đồng, gồm:

- Đối với khoản vay tín dụng theo hợp đồng LD2034302922: 4.230.790.957 đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.729.748.925 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.495.073.326 đồng, lãi chậm trả: 5.969.046 đồng.

- Đối với khoản thẻ tín dụng 352 -C-803364 là 699.451.272 đồng, trong đó: Nợ gốc quá hạn: 298.771.318 đồng, N lãi quá hạn: 390.087.106 đồng.

Kể từ ngày 25/9/2024, Công ty TNHH G vẫn phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trên đề nghị Tòa buộc bà Trần Thị L phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp đối với chiếc xe Ô tô con, nhãn hiệu: MERCEDES – BENZ để thu hồi khoản nợ cho V1.

Bị đơn – Công ty TNHH G: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị L: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Do các đương sự không có mặt đầy đủ và nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên những lời trình bày tại tòa cũng như yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị L: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Phía nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử và dành quyền kháng cáo cho những đương sự vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 24/9/2024 gồm:

- Đối với khoản vay tín dụng theo hợp đồng LD2034302922: 4.230.790.957 đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.729.748.925 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.495.073.326 đồng, lãi chậm trả: 5.969.046 đồng.

- Đối với khoản thế tín dụng 352 –C-803364 là 699.451.272 đồng, trong đó: Nợ

gốc quá hạn: 298.771.318 đồng, N lãi quá hạn: 390.087.106 đồng.

Hội đồng xét xử thấy:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho thấy đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn, bị đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 08/12/2020, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 3.815.000.000 đồng theo đồng cho vay số TSN/20398 và kế ước nhận nợ số TSN/20398-01. Cùng ngày, để bảo đảm cho khoản vay, bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp số TSN/20399 và đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Ngoài ra, nguyên đơn cũng đã cấp cho bị đơn hạn mức sử dụng thẻ tín dụng thông qua Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo dành cho KHDN số 352-C-803364 ngày 14/06/2021.

Theo hợp đồng vay, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, kế ước nhận nợ, các bảng kê chi tiết tính lãi do nguyên đơn cung cấp thể hiện hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã chuyển khoản nợ vay tín dụng sang nợ quá hạn từ ngày 25/02/2022 và khoản nợ thẻ từ ngày 04/4/2022. Nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thực hiện là vi phạm điểm b khoản 4.1 Điều 4 của hợp đồng vay và điểm h Điều 9 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 352 – C-803364.

Từ sự phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng vay và hợp đồng sử dụng thẻ mà hai bên đã ký.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Tại hợp đồng bảo lãnh số 431/HĐBL được lập ngày 07/6/2021, bà Tàn Thị L1 đã đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn với nội dung:

“Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác...”. Như vậy, việc bà L1 ký hợp đồng bảo lãnh cá nhân nêu trên là tự nguyện, nội dung thư bảo lãnh phù hợp với Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó đã phát sinh nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh của bà L1 trong trường hợp bên được bảo lãnh là bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 335, Điều 336, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V:

1.1. Buộc Công ty TNHH G thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 24/9/2024 là 4.930.242.229 đồng (Bốn tỷ chín trăm ba mươi triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm hai mươi chín đồng), bao gồm:

- Đối với khoản vay tín dụng theo hợp đồng cho vay số: TSN/20398 và khế ước nhận nợ số: TSN/20398-01 cùng ngày 08/12/2020 số tiền gốc 2.729.748.585 đồng (Hai tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn 1.495.073.326 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu không trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng), lãi chậm trả 5.969.046 đồng (Năm triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng)

- Đối với khoản thẻ tín dụng 352 –C-803364 ngày 14/6/2021 số tiền gốc 319.364.166 đồng (Ba trăm mười chín triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng), tiền nợ lãi quá hạn 390.087.106 đồng (Ba trăm chín mươi triệu không trăm tám mươi bảy ngàn một trăm lẻ sáu đồng).

1.2. Công ty TNHH G tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 25/9/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký giữa hai bên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc người bảo lãnh là bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo như nội dung Hợp đồng bảo lãnh số 431/HĐBL ngày 07/6/2021 cho đến khi thực hiện hết nghĩa vụ nêu trên.

1.4. Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.5. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu Mercedes - Benz, số loại: \$450, số khung: RLMUG6GX0LV003248, số máy: 27682431121285, biển số: 51H-695.55 theo Giấy đăng ký xe ô tô số: 620963 do Phòng C1 Công an Thành phố H cấp ngày 05/12/2020.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH G phải chịu án phí là 112.930.242 đồng (Một trăm mười hai triệu chín trăm ba mươi ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng).

- Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền 55.972.796 đồng (Năm mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0032524 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo